

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày: 30/3/2021
V/v tranh chấp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Phước

Bà Nguyễn Hồng Lành

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2019/TLST- DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2020/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa:

- ***Nguyên đơn: Chị Đoàn Cẩm T***, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện HD, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: bà Nguyễn Thị H – Luật sư văn phòng luật sư Nguyễn Thị H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu.

- ***Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B***, sinh năm 1981

Anh Phạm Văn H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H là chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/3/2020)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hồ Thanh L***, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện HD, tỉnh Bạc Liêu.

Chị T, Luật sư H có mặt; các đương sự khác vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2019, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 28/11/2019 và các lời khai tiếp theo trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đoàn Cẩm T trình bày:

Chị Đoàn Cẩm T có tham gia 02 dây hội do chị Nguyễn Thị B và anh Phạm Văn H làm chủ hội:

Dây hội thứ nhất: mở lần đầu ngày 27/4/2017 âm lịch, loại hội 5.000.000đ, 01 tháng mở hội 01 lần, có 31 phần (chung) hội, chị T tham gia 02 phần hội.

Lần mở hội thứ 28 nhằm ngày 27/6/2019 âm lịch, chị T bỏ hội 6.200.000đ, hốt được số tiền 128.700.000đ (trong đó đã bù lỗ 02 phần hội sống là 2.400.000đ, tiền hoa hồng 2.500.000đ, tiền đóng 02 phần hội sống loại hội 2.000.000đ là 1.400.000đ). Chị B và anh H đã đưa được 40.000.000đ, còn lại 88.700.000đ chưa giao tiền hội.

Lần mở hội thứ 29 nhằm ngày 27/7/2019 âm lịch, chị T bỏ hội 8.160.000đ, hốt được số tiền 126.180.000đ (trong đó đã bù lỗ 02 phần hội sống là 6.300.000đ, tiền hoa hồng 2.500.000đ, tiền 01 phần chết là 5.000.000đ). Chị B và anh H chưa giao tiền hội.

Đến ngày 05/9/2019 âm lịch, anh H làm Biên bản thỏa thuận xác nhận nợ hội, còn thiếu tiền hội đối với 02 phần hội mà chị T đã hốt là 214.880.000đ.

Dây hội thứ hai: mở lần đầu ngày 24/6/2018 âm lịch, loại hội 2.000.000đ, 01 tháng mở hội 01 lần, có tất cả 28 phần hội, chị T tham gia 02 phần hội, chưa hốt hội, đã đóng hội sống 14 lần với số tiền thực đóng 12.970.000đ/phần x 02 phần là 25.940.000đ. Sau đó, chủ hội ngưng khai hội đến nay.

Tại đơn khởi kiện, chị T yêu cầu chị B và anh H trả số tiền hội 270.880.000đ; tại phiên tòa chị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị T chỉ yêu cầu chị B, anh H trả số đã hốt hội là 214.880.000đ và số tiền vốn đóng 02 phần hội ngày 24/6/2018 âm lịch là 25.940.000đ, tổng cộng là 240.820.000đ và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất Nhà nước quy định từ ngày 09/11/2019 đến ngày xét xử.

Ngoài ra, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Chị Nguyễn Thị B là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn H trình bày:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2020, chị B thừa nhận chị T có tham gia chơi số dây hội, số phần hội trong mỗi dây hội như chị T trình bày là đúng. Tại dây hội mở lần đầu ngày 27/4/2017 âm lịch, chị T đã hốt hội nhưng chị B chỉ mới giao được 40.000.000đ tiền hốt hội, còn thiếu lại số tiền bao nhiêu thì không nhớ. Tại dây hội mở lần đầu ngày 24/6/2018 âm lịch, loại hội 2.000.000đ, chị T đã đóng hội được 14 lần với số tiền bao nhiêu thì chị B không nhớ. Chị B yêu cầu được trả cho chị T số tiền tại 02 dây hội B số tiền vốn đã đóng hội.

Anh Hồ Thanh L trình bày: anh thống nhất với yêu cầu và lời trình bày của chị T, anh không bổ sung thêm.

Tòa án đã triệu tập họp lệ chị B, anh H tham dự phiên họp và phiên hòa giải; tuy nhiên chị B, anh H vắng mặt không có lý do. Tòa án lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại kết luận giám định số 04/GĐ-2021 ngày 21/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận: chữ ký tên Phạm Văn H trên tài liệu cần giám định A (Biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 05/9/2019 âl) so với chữ ký của Phạm Văn H trên các tài liệu mẫu so sánh là do một người viết ra.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm tranh luận:

Nguyên đơn yêu cầu chị B và anh H trả số tiền được hốt hui 214.880.000đ tại đây hui mở lần đầu ngày 27/4/2017 âm lịch; yêu cầu trả số tiền vốn đã đóng 25.940.000đ tại đây hui mở lần đầu ngày 24/6/2018 âm lịch; yêu cầu tính lãi từ ngày 09/11/2019 đến ngày xét xử theo quy định pháp luật. Tại kết quả giám định đã chứng minh được anh H thừa nhận thiếu và đồng ý trả số tiền được hốt hui tại đây hui mở lần đầu ngày 27/4/2017 âm lịch. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn trả số tiền 240.820.000đ và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất Nhà nước quy định từ ngày 09/11/2019 đến ngày xét xử.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

+ *Về tố tụng*: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với chị B và anh H chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án*: chị T đã hốt hui tại đây hui ngày 27/4/2017 âm lịch và chị B chưa chung tiền hui đủ, còn thiếu số tiền 214.880.000đ, việc này được chứng minh tại Bản cam kết ngày 07/8/2019 âm lịch do chị B ký tên và Biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 05/9/2019 do anh H ký tên.

Đối với đây hui mở lần đầu ngày 24/6/2018 âm lịch, chị T và chị B thừa nhận chị T tham gia 02 phần hui, đóng được 14 kỳ hui sống, chị T có ghi lại số tiền đóng hui từng lần và tổng số tiền đóng 02 phần hui là 25.940.000đ; chị B không nhớ chị T đóng bao nhiêu tiền và cũng không có ý kiến gì đối với số tiền chị T đưa ra. Do đó, lời khai của chị T có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T để buộc anh H và chị B trả cho chị T, anh L số tiền 240.820.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 09/11/2019 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị T yêu cầu giải quyết tranh chấp hui, bị đơn có địa chỉ thường trú tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, chị B, anh H, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử chị B, anh H, anh L là phù hợp quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Tại đây hui mở lần đầu ngày 27/4/2017 âm lịch:

Quá trình tố tụng, chị T và chị B thống nhất: chị T tham gia 02 phần hối tại đây hối này. Chị T xác định chị đã hốt hết 02 phần hối, tuy nhiên chị B cho rằng chị T mới hốt 01 phần hối, chị B mới giao cho chị T số tiền hốt hối là 40.000.000đ, còn thiếu lại chị T bao nhiêu tiền thì không nhớ. Chị B chỉ đồng ý trả cho chị T B số tiền gốc đã đóng tại 02 phần hối là 121.360.000đ. Chị B trình bày nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

Chị T xác định tại kỳ mở hối thứ 28 ngày 27/6/2019 âm lịch, chị hốt hối được số tiền 128.700.000đ, đến ngày 27/7/2019 âm lịch chị B mới chung cho chị được 40.000.000đ, chị yêu cầu giao số tiền hối còn lại; do đó, chị B mới làm Bản cam kết đề ngày 07/8/2019 âm lịch, hứa đến ngày 27/8/2019 âm lịch sẽ chung đủ số tiền hối còn lại là 88.700.000đ cho chị T. Tại kỳ mở hối thứ 29 ngày 27/7/2019 âm lịch, chị T hốt hối được số tiền 126.180.000đ; tuy nhiên chị B không thực hiện nghĩa vụ giao hối. Do đó, đến ngày 05/9/2019 âm lịch, anh H mới làm Biên bản thỏa thuận xác nhận nợ (Bút lục số 94) xác nhận còn nợ chị T số tiền hối mà chị T đã hốt 02 phần hối là 214.880.000đ và cam kết trả hàng tháng ít nhất là 5.000.000đ.

Tại kết luận giám định số 04/GĐ-2021 ngày 21/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận: chữ ký tên Phạm Văn H trên tài liệu cần giám định A (Biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 05/9/2019 âm) so với chữ ký của Phạm Văn H trên các tài liệu mẫu so sánh là do một người viết ra.

Do đó, có cơ sở chấp nhận chị T đã hốt 02 phần hối, chị B và anh H chưa giao đủ số tiền được hốt hối cho chị T là 214.880.000đ.

[3.2] Tại đây hối mở lần đầu ngày ngày 24/6/2018 âm lịch:

Chị T và chị B thống nhất: chị T tham gia 02 phần hối, đóng được 14 kỳ hối sống, sau đó chị B ngừng khai hối; chị T có ghi lại số tiền đóng hối từng lần và tổng kết lại trong 14 kỳ đã đóng cho chị B tổng số tiền cho 02 phần hối là 25.940.000đ. Chị B không nhớ chị T đóng bao nhiêu tiền và cũng không có ý kiến gì đối với số tiền chị T đưa ra. Do đó, lời khai của chị T có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, chị T yêu cầu chị B, anh H trả số tiền 270.880.000đ. Tại phiên tòa hôm nay, chị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị T chỉ yêu cầu anh H, chị B trả số tiền 240.820.000đ. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3.4] Xét yêu cầu tính lãi của chị T:

Tại khoản 2 Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định:

“Điều 23. Trách nhiệm của chủ hộ do không giao hoặc giao không đầy đủ các phần hộ cho thành viên được lĩnh hộ

Trường hợp đến kỳ mở hộ mà chủ hộ không giao các phần hộ cho thành viên được lĩnh hộ thì chủ hộ có trách nhiệm đối với thành viên đó như sau:

2. Trả lãi đối với số tiền chậm giao cho thành viên được lĩnh hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định này”.

Xét thấy, chị T được lĩnh (hót) hụi nhưng chị B chưa giao tiền lĩnh hụi cho chị T, cũng như chị B đình hụi thì có nghĩa vụ trả lại vốn gốc đã đóng cho các thành viên chơi hụi, trường hợp chị B không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì chị B có nghĩa vụ trả lãi cho chị T từ ngày chậm giao tiền đến ngày Tòa án giải quyết. Chị B đình hụi vào tháng 8/2019 và chưa trả tiền cho chị T. Tuy nhiên, chị T yêu cầu tính lãi từ ngày 09/11/2019; đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Số tiền lãi được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm. Từ ngày 09/11/2019 đến ngày 30/3/2021 là 01 năm 04 tháng 21 ngày. Số tiền lãi được tính như sau:

$240.820.000đ \times 10\%/năm \times 01 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} = 33.514.116đ.$

Tổng cộng gốc và lãi là 274.334.116đ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc chị B và anh H có nghĩa vụ trả cho chị T, anh L số tiền 274.334.116đ.

[4] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Xét quan điểm tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp như Hội đồng xét xử phân tích nêu trên nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí 6.772.000đ tại lai thu số 0004511 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Chị B, anh H phải nộp án phí dân sự có giá ngạch ($274.334.116đ \times 5\%$) là 13.716.705đ.

[7] *Về chi phí giám định* là 3.510.000đ, chị T đã dự nộp 5.000.000đ được chuyển thu tiền giám định 3.510.000đ, chị T đã được hoàn nhận lại số tiền 1.490.000đ tại phiếu chi ngày 23/3/2021. Buộc anh H, chị B nộp 3.510.000đ hoàn trả cho chị T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, 228, 238, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của chính phủ về họ, hụi, biếu, phường;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Cẩm T đòi nợ hụi đối với chị Nguyễn Thị B, anh Phạm Văn H.

Buộc chị Nguyễn Thị B, anh Phạm Văn H có nghĩa vụ trả cho chị Đoàn Cẩm T và anh Hồ Thanh L số tiền 274.334.116đ (Hai trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn một trăm mười sáu đồng).

2/ Về án phí: Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí 6.772.000đ tại lai thu số 0004511 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Chị B, anh H phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 13.716.705đ.

3/ Về chi phí giám định: buộc anh H, chị B nộp 3.510.000đ hoàn trả cho chị T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lư Trường Lâm